

## TÔNG CẢNH LỤC

## QUYỂN 83

Hỏi: Phàm, chân tâm là vua của chữ một, mẹ của Bát-nhã, cơ sao luận nói chư Phật thường nương hai để nói pháp?

Đáp: Nếu căn cứ chánh tông, tuyệt đường tâm trí, nếu lìa hai để đoạn môn phương tiện. Vì chân tâm là pháp tự chứng, có văn tự nào, phàm giáo năng phân tích không gì chẳng phải là giả danh, nên nương hai để mà nói pháp. Trong kinh Kim Cang Tam-muội có kệ tụng nói:

*“Chỗ nhân duyên sinh nghĩa  
Là nghĩa diệt chẳng sinh  
Diệt các nghĩa sinh diệt  
Là nghĩa sinh chẳng diệt”.*

Trong luận Thích nói: Nghĩa bốn câu này có Tổng biệt. Biệt thì nói rõ nghĩa hai môn, tổng thì hiển bày pháp một tâm. Bên trong của một tâm hai môn như vậy, tất cả các pháp không chỗ chẳng gồm. Hai trước dung tục làm chân hiển bày nghĩa bình đẳng. Hai sau dung chân làm tục hiển bày muôn sai biệt. Tổng quát mà nói đó, là chân tục không hai mà chẳng giữ một. Do không hai nên là một tâm, chẳng giữ một nên khắp thể làm hai. Lại chân tục không hai, pháp của một thật, chỗ chư Phật quy về gọi là Như Lai tạng, rõ ràng vô lượng pháp và tất cả hạnh không gì chẳng quy vào trong Như Lai tạng, chỗ vô biên giáo pháp phân tích giải thích nghĩa tướng lại không khởi khác, chỉ nghĩa một thật. Nói thật là, tánh của tự tâm. Trừ ngoài đây ra đều là hư huyễn. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Trừ ngoài một thật tướng, tất cả đều thành ma sự”. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ một sự thật đây, hai khác chẳng phải chân”. Phàm, đại ý các kinh luận đều là hiển bày Tông pháp chấp, riêng nêu tâm tánh. Nếu thông đạt tất cả các pháp tức tự tánh tâm, ngoài tâm không pháp, tánh không gì chẳng bao gồm, giống như hư không khắp tất cả xứ, tất cả xứ, thì tất cả pháp không gì chẳng là thật tướng, nên biết các nghĩa chỉ một niệm tâm. Một lý ứng tất cả danh, vì ngoài lý

không danh vậy. Tất cả danh tức một lý, vì ngoài danh không lý vậy, thì là không chân danh của danh, không chân lý của lý, vì vậy một tâm hai đế, thể dụng khắp đủ. Vốn căn cứ ở chân đế luận tục, từ một khởi nhiều, trở lại căn cứ ở tục đế luận chân, từ nhiều hội một. Như châu ngọc như ý, châu ngọc để dụ chân, dụng để thí tục, tức châu là dụng, tức dụng là châu, chẳng hai mà hai, phân chân tục vậy. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói rõ hai môn một tâm. Môn tâm chân như, là thể, vì tất cả pháp không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng, chỉ là một tâm, như vậy gọi là môn tâm chân như. Trong kinh Lăng-già nói: “Tịch diệt, gọi là một tâm”. Môn tâm sinh diệt, là dụng. Thể một tâm đây có bản giác, mà tùy vô minh động làm sinh diệt, nên ở môn đây tánh của Như Lai ẩn mà chẳng hiển, gọi là Như Lai tạng. Trong kinh Lăng-già nói: “Một tâm, gọi là Như Lai tạng”. Lại nói: “Như Lai tạng, là nhân thiện và bất thiện”. Hai môn đây căn cứ về thể dụng phân hai. Nếu dùng dụng của toàn thể, dụng chẳng lìa thể, thể của toàn dụng, thể chẳng lìa dụng trở lại niệm nghĩ một đó. Ví một tâm nhiễm tịnh, tánh đó không hai. Hai môn chân vọng chẳng được có khác, nên gọi là một, không hai xứ đây thật trong các pháp, chẳng đồng hư không, tánh tự thân giải, nên gọi là tâm. Đã không có hai, sao được có một? Một không chỗ có, căn cứ ai nói tâm? Đạo lý như vậy lìa lời tuyệt lo nghĩ, chẳng biết lấy gì nói đó, cưỡng làm một tâm vậy.

Hỏi: Trong luận Ma-ha-diễn nói: “Một tức là tâm, tâm tức là một, không một riêng tâm không tâm riêng một, tất cả các pháp bình đẳng một vị. Một tướng không tướng, làm một thứ biến ánh sáng tâm địa”. Cớ sao lại nói tướng đồng khác ư?

Đáp: Hoặc đồng hoặc khác, đều một tâm làm, như biển trào vọt ngàn gợn sóng, ngàn gợn sóng tức biển. Vì chúng sinh tánh sai biệt nên chẳng thể đồng chủng. Và Như Lai tánh bình đẳng nên chẳng năng khác chủng. Chúng sinh tuy sai biệt chẳng năng tự khác. Như Lai tuy bình đẳng mà chẳng năng tự đồng, chẳng năng tự khác nên tức khác không khác vậy. Chẳng năng tự đồng nên tức đồng chẳng phải đồng vậy. Trong luận Ma-ha-diễn nói: “Tướng đồng là, tất cả các pháp chỉ một chân như, khác là, chỉ một chân như làm tất cả pháp. Trong luận Kim Cang Tam-muội nói: “Bình đẳng một vị, chỗ Thánh nhân chẳng năng khác vậy. Có chung có riêng, chỗ Thánh nhân chẳng năng đồng vậy”. Chẳng đồng là, tức đồng ở khác, chẳng năng khác là, tức khác ở đồng. Lại, chẳng thể nói khác nên có thể được nói là đồng. Chẳng thể nói đồng nên có thể được nói là khác. Nói và chẳng nói không hai

không riêng biệt vậy. Lại nói: Nương giáo sâu mầu như nói lấy nghĩa là, có hai thứ lỗi: Một, nghe chỗ Phật nói động tĩnh không hai cho là mỗi mỗi thật một tâm, do đó bác bỏ không đạo lý hai đế; Hai, nghe chỗ Phật nói không có hai môn, chấp có hai pháp mà không một thật, do đó phỉ báng Trung đạo không hai. Lại nói: Một tâm như vậy, thông làm chỗ của tất cả các pháp nhiệm tịnh nương tựa, tức là các pháp căn bản. Xưa nay lĩnh môn. Hằng sa công đức không chỗ nào chẳng đủ, nghĩa là tất cả là môn tùy duyên động, hằng sa nhiệm pháp không gì chẳng đủ. Nhưng khắp nhiệm pháp vì trông tâm thể chẳng năng thông khắp. Do đó trong kinh nói: Hoặc lìa hoặc thoát hoặc khắp tâm thể, trông các tịnh pháp, không chỗ nào chẳng khắp. Nên trong kinh nói: Ở trong thế pháp chẳng lìa chẳng thoát, gồm rõ một tâm, thông với động tĩnh, làm chỗ nhiệm tịnh nương. Biệt hiển bày môn động, chỗ nhiệm pháp nương. Biệt hiển bày môn tĩnh, chỗ tịnh pháp nương. Cũng như luận Đại Thừa Khởi Tín ở nơi một tâm lập hai môn chân như và sinh diệt, hoặc cuộn hoặc buông, hoặc chung hoặc riêng, đều là thể dụng của một tâm. Như ánh sáng của nhật nguyệt, tợ gợn sóng của sông hồ, chân tâm không cây chẳng lạc lời lẽ ý nghĩ, chỉ căn cứ thế đế trong môn tùy duyên phân hai nghĩa đó. Vì chân tâm chẳng giữ tự tánh nên tùy duyên thành khác, tức thành môn khác. Vì lúc tùy duyên chẳng mất tự tánh nên tùy duyên chẳng biến, tức thành môn đồng, tùy lập đồng khác mà thường ngầm một khoảng. Xưa trước giải thích: Một chân tâm chẳng phải một chẳng phải khác là, chân tâm toàn thể động vậy. Tâm và sinh diệt chẳng phải khác mà luôn chẳng biến chân tánh vậy. Cùng sinh diệt chẳng một. Trước nói rõ môn chẳng khác có ba nghĩa: Một, gốc từ ngọn nói chẳng khác là, trong kinh nói Như Lai tạng là nhân thiện và bất thiện, năng khắp cùng tạo tất cả thú sinh. Lại, trong kinh nói: Phật tánh tùy chuyển thành vị riêng biệt; Hai, gồm ngọn đồng gốc, nói rõ chẳng khác là, trong kinh nói: “Chúng sinh tức như vậy”. Lại nói: “Mười hai nhân duyên tức Phật tánh”. Trong Địa Luận nói: “Ba cõi chỉ tâm là, Đệ nhất nghĩa đế vậy”. Trước tức gốc của ngọn, gốc không riêng gốc, chỉ có sinh diệt, lại không pháp riêng biệt có thể cùng khác. Sau tức ngọn của gốc, ngọn không riêng biệt ngọn, nên chỉ có chẳng sinh diệt, cũng không pháp riêng biệt có thể cùng khác; Ba, gốc ngọn bình đẳng nói rõ chẳng khác. Trong kinh có kệ tụng nói:

*“Như Lai tạng sâu mầu  
Mà cùng bày thức câu”.*

Lại, trong luận nói: “Chỉ chân chẳng lập, đôn vọng chẳng thành”.

Đây là hiển bày gốc ngọn dung thông, khoáng hạng chẳng phân, nên nói chẳng khác vậy. Tiếp theo nói về môn chẳng một là: Trong đây chẳng phải thẳng chẳng trái chẳng khác để rõ chẳng một, cũng là do chẳng khác nên thành ở chẳng một. Tại sao? Nếu lúc Như Lai tạng tùy duyên làm sinh diệt mất tự chẳng sinh diệt là, tức chẳng được có sinh diệt vậy. Như nước mất tánh ướt thì chẳng năng thành sóng lớn nhỏ. Cho nên do chẳng sinh diệt được có sinh diệt, cho nên tức chẳng khác nên chẳng một vậy. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói rõ Như Lai tạng cùng sinh diệt hòa hợp chẳng phải một chẳng phải khác mà thành biện rõ thế gian và xuất thế gian mọi sự nhiệm tịnh v.v...

Hỏi: Trong luận nói: Tướng đồng là tất cả các pháp chỉ một chân như. Tướng khác là chỉ một chân như làm tất cả pháp. Hai nghĩa đồng dị đây lại là pháp nhĩ tự làm, lại là chỗ nhân người đặt ư?

Đáp: Pháp tánh chẳng động, đâu có văn của đồng dị, cải biến từ tâm tự khởi thấy của một nhiều. Như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Lại nữa, giác và bất giác có hai thứ tướng: Một, tướng đồng; hai, tướng khác. Nói tướng đồng là như các thứ sành sứ đều đồng tánh tướng vi trần. vô lậu vô minh các thứ nghiệp huyễn như vậy đều đồng tánh tướng chân như. Nên trong kinh giáo nói nương nơi nghĩa đây mà nói tất cả chúng sinh xưa nay thường trú vào nơi pháp của Niết-bàn Bồ-đề, chẳng phải có thể tu tướng, chẳng phải có thể tác tướng, rốt ráo không được, cũng không sắc tướng có thể thấy. Mà có thấy sắc tướng là, chỉ là tùy chỗ nhiệm nghiệp huyễn làm, chẳng phải là tánh của trí sắc chẳng không. Vì trí tướng không thể thấy vậy. Nói tướng khác là, như các thứ sành sứ mỗi mỗi chẳng đồng, vô lậu vô minh như vậy dùng tánh nhiệm huyễn sai biệt mà nghiệp nhiệm huyễn sai biệt vậy”. Trong Luận Thích nói: “Tức trong văn đây có hai môn: Một, môn tướng đồng; Hai, môn tướng khác. Vì nói rõ nghĩa gì mà kiến lập môn tướng đồng? Vì muốn hiểu biết tất cả các pháp chỉ một chân như, không pháp nào khác nên đáng môn chân như. Vì nói rõ nghĩa gì mà kiến lập môn tướng khác? Vì muốn hiển bày chỉ một chân như làm tất cả pháp. Danh tướng mỗi riêng biệt, nghĩa dụng chẳng đồng nên đáng môn sinh diệt. Nương ở kinh giáo nào mà kiến lập ư? Đó là kinh Văn-thù Sư-lợi Đáp Thứ Nhất. Trong kinh đó đang nói gì ư? Trong kinh đó nói là: “Đức Phật hỏi: “Văn-thù Sư-lợi! Bấy lâu nay ông chưa từng tạm nghỉ đạo khắp các cõi trong mười phương thấy sự gì khác? Văn-thù Sư-lợi đáp: Bấy lâu nay con chẳng thấy sự gì khác, chỉ thấy vi trần. Đức Phật lại hỏi: Trong trăm năm ông sống ở Luân gia chẳng thấy tướng các thứ sành sứ ư? Văn-thù

Sư-lợi đáp: Con chỉ thấy trần, chẳng thấy đồ sành sứ. Đức Phật lại hỏi: Ông thật chẳng thấy địa, thủy, hỏa, phong, núi, sông, cây rừng v.v... các thứ tướng ư? Văn-thù Sư-lợi đáp: Con thật chẳng thấy các tướng như vậy, chỉ thấy vi trần. Như vậy, như vậy Đức Thế Tôn hỏi xong, Văn-thù đáp. Đến số một trăm, Đức Phật lại hỏi: Văn Thù! Thấy vi trần ư? Văn-thù Sư-lợi đáp: Bấy lâu nay con chẳng thấy vi trần. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Văn-thù Sư-lợi rằng: Lành thay! Lành thay! Ông là Đại sĩ, năng giác một tướng, năng giác một tướng tức pháp không tướng. Văn-thù Sư-lợi! Ông một nhân giả chẳng phải giác như vậy nương môn một tướng, tất cả chúng sinh xưa nay thường trú vào nơi pháp của Niết-bàn Bồ-đề, chẳng phải có thể tu tướng, chẳng phải có thể tác tướng, rốt ráo không được, cũng không sắc tướng có thể thấy, mà có thấy sắc tướng đó, chỉ là tùy chỗ nhiễm nghiệp huyễn làm, chẳng phải là tánh của trí sắc chẳng không. Vì trí tướng không thể thấy vậy”. Môn Tướng khác là, trong kinh đó nói rằng: “Phật bảo: Thân Tử! Ông thấy cõi đây, là tâm gì thấy? Thân Tử đáp: Con thấy cõi đây núi sông cây rừng cát sỏi đất đá, nhật nguyệt cung điện vườn nhà v.v... các thứ tướng, mỗi mỗi hình tướng danh tự sai biệt chẳng đồng. Đức Phật bảo: Lực trí tuệ của ông hạ liệt hẹp nhỏ, tâm có cao thấp, thấy khác như vậy, chỉ một mình ông chẳng phải thấy như vậy. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, cho đến các pháp cũng như vậy. Chân vọng qua lại huân đối đãi nhau, công đức tai họa hình tướng danh tự mỗi mỗi sai biệt, tùy chỗ tâm phàm phu mà kinh luận danh tướng, có mà chẳng phải thật, đều như huyễn hóa.

Hỏi: Một tâm khai mở hai môn chân như sinh diệt, có nguyên do gì?

Đáp: Rất có công năng, rất hợp lý sự. Một tâm là khởi tin của Đại thừa. Hai môn là phá chấp của tà kiến. Căn cứ môn chân như, tin diệu lý quyết định, căn cứ môn sinh diệt, tin nghiệp dụng chẳng mất. Có thể gọi là lý sự viên thông, chân tục không kẹt. Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: “Môn tâm chân như có mười thứ tên: Một, gọi là môn Như Lai tạng, không tạp loạn vậy; Hai, gọi là môn bình đẳng chẳng hai, không sai biệt vậy; Ba, gọi là môn một đạo thanh tịnh, không rẻ khác vậy; Bốn, gọi là môn chẳng khởi chẳng động, lìa tác nghiệp vậy; Năm, gọi là môn không đoạn không ràng buộc, không làm chướng vậy; Sáu là môn không đến không đi, không trên dưới vậy; Bảy, gọi là môn xuất thế gian, không bốn tướng vậy; Tám, gọi là môn tịch diệt tịch tĩnh, không qua lại vậy; Chín, gọi là môn Đại Tổng tướng, không biệt tướng vậy; Mười, gọi là môn chân như, không hư ngụy vậy. Đó gọi là mười,

mười tên như vậy tổng gồm tất cả danh tự pháp môn nghĩa lý bình đẳng pháp tạng của chư Phật. Môn sinh diệt có mười thứ tên: Một, gọi là môn tạng thức, gồm giữ tất cả pháp nhiệm tịnh vậy; Hai, gọi là môn Như Lai tạng. Che giấu pháp thân Như Lai vậy; Ba, gọi là môn khởi động, tương tục tác nghiệp vậy; Bốn, gọi là môn có đoạn có ràng buộc, có tri chướng vậy; Năm, gọi là môn có đến có đi, có trên dưới vậy; Sáu, gọi là môn nhiều tướng phân khác, pháp của nhiệm tịnh quá hằng sa vậy; Bảy gọi là môn thế gian, bốn tướng cùng chuyển vậy; Tám, gọi là môn lưu chuyển hoàn diệt, đầy đủ sinh tử và Niết-bàn vậy; Chín, gọi là môn đối đãi nhau cùng thành, không pháp tự thành vậy; Mười, gọi là môn sinh diệt, bày tướng vô thường vậy. Mười tên như vậy, tổng gồm tất cả pháp tạng của chư Phật các thứ danh tự pháp môn sai biệt”. Lại, phàm chân như là tuy tại môn chẳng khởi chẳng động, chẳng phải là ngưng đơng chẳng động, lặng vậy là duyên. Đây lạc vào tĩnh trần sinh ở đoạn kiến, đó là tùy duyên hợp lặng lẽ, căn cứ pháp rõ chân. Vì vậy không tánh nhân duyên, lý sự một khoảng, nhân duyên không tánh, ẩn hiển đồng thời. Như trong Nghĩa Hải nói: “Vào chân như là, nghĩa là trần tùy tâm xoay chuyển, các thứ nghĩa vị thành nhân duyên lớn. Tuy có các thứ mà không sinh diệt, tuy chẳng sinh diệt mà luôn chẳng ngại tất cả tùy duyên”. Nay không sinh diệt là chẳng biến, chẳng ngại tất cả là tùy duyên, tùy duyên chẳng biến là nghĩa chân như.

Hỏi: Trước nói tất cả chúng sinh đều có Bản giác thường huân vô minh thành tịnh dụng đó. Đây, diệu dụng chân như, môn chư Phật hóa là tại trong môn chân như hay trong môn sinh diệt?

Đáp: Đây là bản giác chân như trong môn sinh diệt nên có nghĩa huân, trong môn chân như thì không nghĩa này. Do bản giác đây bên trong huân bất giác, khiến thành nhàm cầu trái ngược dòng thuận chân. Nên nói là dụng vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: Người xiển-đề do lực Phật tánh ở vị lai nên trở lại sinh căn lành”. Lực Phật tánh tức là lực huân bên trong bản giác, thành tịnh dụng đó. Cho đến tám tướng thành đạo. Hạnh vị mười địa, đều căn cứ ở môn thế đế gồm thâu.

Hỏi: Trước lập một tâm hai môn chân như sinh diệt, lại là từ môn nào vào chóng được thành tự?

Đáp: Chỉ từ môn sinh diệt vào thẳng đến đạo tràng, chẳng động trần lao mà thành Chánh giác. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Lại nữa, vì khiến chúng sinh từ môn tâm sinh diệt vào môn chân như. Nên khiến quán tướng sắc v.v... đều chẳng thành tự. Cớ sao chẳng thành tự? Nghĩa là phân chẻ sắc thô dần đến vi trần. Lại dùng phương phân

chẻ vi trần đây, cho nên hoặc thô hoặc tế tất cả các sắc chỉ là vọng tâm phân biệt ảnh tượng, thật không chỗ có, suy tâm ở các uẩn khác dần đến sát-na tướng riêng biệt chẳng phải một. Pháp vô vi cũng lại như vậy, là nơi pháp giới trọn không thể được. Mười phương tất cả các pháp như vậy, nên biết đều vậy, giống như người mê cho rằng: Đông là Tây, mà phương thật chẳng chuyển, chúng sinh cũng vậy. Bởi vô minh mê nên cho rằng: Tâm là động mà thật chẳng động. Nếu biết động tâm tức chẳng sinh diệt, tức được vào nơi môn chân như. Như trên, nghĩa của hai đế, chẳng thể một hướng làm một giải, cũng chẳng thể một hướng làm hai giải. Do đó, trong kinh Nhân Vương, phẩm Nhị Đế nói: “Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Trong Thắng nghĩa đế có Thế tục đế chẳng? Nếu nói không, thì trí chẳng nên hai, nếu nói có, thì trí chẳng nên một. Nghĩa của một hai, sự đó thế nào? Đức Phật dạy: Đại vương! Ở thời quá khứ trong pháp của Phật Long Quang Vương, ông đã hỏi nghĩa này, nay ta không nói, nay ông không nghe, không nói không nghe, đó tức gọi là nghĩa một nghĩa hai. Nay ông lắng nghe, ta sẽ vì ông nói. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ tụng rằng:

*“Không tướng thắng nghĩa đế  
 Thể chẳng tự tha làm  
 Nhân duyên như huyễn có  
 Cũng chẳng tự tha làm  
 Pháp tánh vốn không tánh  
 Thắng nghĩa đế không như  
 Các hữu huyễn có pháp  
 Ba giả tập giả có  
 Không không đế thật không  
 Tịch diệt thắng nghĩa không  
 Các pháp nhân duyên có  
 Có không nghĩa như vậy  
 Có không vốn tự hai.  
 Thí như trâu hai sừng  
 Chiều giải thấy không hai  
 Hai đế thường chẳng tức  
 Giải tâm thấy không hai  
 Câu hai chẳng thể được  
 Chẳng là hai đế một  
 Một cũng chẳng thể được  
 Ở giải thường tự một*

Ở để thường tự hai  
 Rõ thấu một hai đây  
 Thật vào Thắng nghĩa để  
 Thế để huyễn hóa khởi  
 Thí như hoa hư không  
 Như ảnh như lông xoay  
 Nhân duyên nên huyễn có  
 Huyền hóa thấy huyễn hóa  
 Ngũ phu gọi huyễn để  
 Huyền sư thấy huyễn pháp  
 Để huyễn thấy đều không  
 Nếu rõ pháp như vậy  
 Tức giải nghĩa một hai  
 Khấp ở tất cả pháp  
 Nên quán sát như vậy”.

Nên trong kinh Niết-bàn so sánh hai con chim cùng bay, sinh tử cùng thường và vô thường, Niết-bàn cũng vậy. Tại thấp tại cao cùng bay cùng dừng, tức sự mà lý, tức lý mà sự. Hai để tức trung, trung tức hai để, chẳng phải hai trung mà hai trung, vậy thì nghĩa cùng bay thành. Hai chim là, tức chim uyên ương, cùng bay cùng dừng, cùng bay tức sánh với cả hai chiều, cùng dừng tức sánh với cả hai song ngăn. Cũng là thể dụng lý sự chẳng tức chẳng lìa.

Hỏi: Chân để, cố sao chẳng xưng là Đệ nhất nghĩa để?

Đáp: Chân chỉ đối tục mà được tên, chưa phải là Trung đạo. Lại, thông rõ tất cả pháp không ngã, chỉ là chân phân tích chưa tận cùng thật tánh, chẳng thông chân tục. Như Trung đạo Đệ nhất nghĩa để là, chẳng phải lìa hai biên mà xưng trung, tức là thật tánh của tất cả pháp, thông khắp Thánh phàm, tình và chẳng phải tình, nên xưng là Đệ nhất, cũng gọi là vô đẳng (không gì bằng). Vì không pháp nào có thể vượt qua nên xưng là Đệ nhất. Vì không pháp nào có thể sánh bằng nên xưng là vô đẳng. Đây chẳng phải căn cứ hơn kém mà nói, vì tất cả pháp tức chân như một tâm vậy. Do đó, trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: Nói là pháp, nghĩa là tâm chúng sinh”. Xưa trước giải thích: Các pháp đã không nên duy tâm vậy, như muôn ảnh tượng vốn không, chỉ là một gương.

Hỏi: Diệu minh chân tâm khắp tất cả xứ, cố sao trong kinh Niết-bàn nói Phật tánh trừ nơi ngói sỏi ư?

Đáp: Năng sở chẳng đồng, chẳng thể chấp một, tâm cảnh một vị, chẳng thể xưng khác. Nếu vì tánh theo duyên thì tình chẳng phải tình



khác. Vì tánh cũng khác. Nếu sạch hết duyên theo tánh, thì chẳng phải giác chẳng giác. Nếu hai tánh qua lại dung hòa, thì không gì chẳng phải là giác ngộ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Chân như không phần ít chẳng phải giác ngộ”, thì chân như khắp tất cả xứ của hữu tình và vô tình. Nếu không phần ít chẳng phải giác ngộ là, há vô tình chẳng phải Phật tánh ư? Lại ý kinh nói chỉ trừ chấp ngói sỏi, kiến của vô tình, chẳng phải trừ Phật tánh, thì tánh không đâu chẳng có, lượng vượt hư không, sao có thể trừ ư? Lại, các bậc Cổ đức nói: “Giác tánh là lý, giác liễu thuộc sự, như trong vô tình chỉ có giác tánh mà không giác liễu, như trong nước chỉ có tánh lửa mà không lửa chiếu. Nay nói tánh là chỉ y cứ lý gốc, ai luận càn ngọn. Lại, giác trí duyên lự gọi là tình, tự tánh chẳng đổi gọi là tánh, người ngu mê tánh sinh tình nên cảnh trí chẳng một. Bậc trí rõ tình thành tánh, nên vật ngã không hai.

Hỏi: Muôn pháp tuy tâm, thành chứng chẳng phải một. Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

*“Ba cõi pháp cao thấp  
Ta nói tức là tâm,  
Là nơi các tâm pháp  
Lại không có thể được”.*

Nếu bốn góc trên dưới, thủy đều là tự tâm thì đi đứng ngồi nằm nương đâu mà trú? Nếu không chỗ y báo ở thì chánh báo làm sao thành lập?

Đáp: Thân của có thức, cõi của không tình, đều là bốn đại trong ngoài, thủy đều không thể. Vả lại như đại địa chỉ nương phong luân, chỗ các vi thành vốn không tự tánh, chỉ là tâm hữu tình biến, lại không khác lý, an tường động dừng đều tại trong tâm, tự chim bay giữa hư không, chẳng lìa không giới, như cá ngậm trong nước, đâu vượt nguồn nước. Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

*“Nếu tất cả Duy tâm  
Thế gian xứ nào trú  
Khứ lai nương pháp nào  
Làm sao thấy trong đất  
Như chim trong hư không  
Nương tâm gió mà đi  
Chẳng trú chẳng quán sát  
Ở trên đất mà đi  
Các chúng sinh như vậy  
Nương gió phân biệt động*

*Trong tự tâm đi lại  
Như chim bay giữa không  
Thấy là tư sinh khí  
Phật nói tâm như vậy.”*

Nên biết cất chân đặt bước chẳng lìa tự tâm. Như chim nếu lìa hư không thì lấy gì bay liệng? Cá nếu lìa nước, đâu được bơi lội. Do đó, ở Tây vức, Tổ sư Di-già-ca hỏi Bà-tu-mật rằng: “Từ phương nào mà lại? Rồi lại đến nơi nào? Đáp: Tự từ tâm lại, muốn đi không xứ. Lại ở xứ đây, Hòa thượng Ngũ Duệ, lúc lâm chung bỏ ăn uống ba ngày mà các tỳch, có người học hỏi: Thầy đi xứ nào? Đáp: Không xứ đi. Người học lại hỏi: Sao không thấy? Đáp: Chẳng phải chỗ mắt thấy. Nên trong kinh Đại Tập nói: “Phật dạy: Tức trong bốn đại, tìm cầu Bồ-đề, chẳng tìm cầu xứ khác, lúc cầu chẳng thấy các vật”. Chẳng thấy, tức là không xứ, không xứ tức không trú, không trú tức là tánh của tất cả các pháp. Tất cả các pháp nếu không tánh, tức là thật tướng. Thật tướng là chẳng phải thường chẳng phải đoạn, gọi là trật tự rốt ráo. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Bồ-tát Vô Trú nói: Tôn giả! Tôi từ không gốc lại, nay đến chỗ không gốc”. Phật dạy: Gốc ông chẳng từ, nay lại cũng chẳng chỗ đến. Ông được gốc lợi chẳng thể nghĩ bàn. Cho đến, sắc không xứ sở, thanh tịnh không tên chẳng vào ở trong. Chiếu không xứ sở, thanh tịnh không thấy, chẳng ra ở ngoài. Tâm không xứ sở, thanh tịnh Vô thượng, không có khởi ở, thanh tịnh không động, không có duyên riêng, tánh đều không tịch, cho đến như tâm vương kia vốn không trú xứ. Tâm của phàm phu vọng phân biệt thấy. Thể của như như, vốn chẳng có không, tướng của có không, thấy chỉ tâm thức. Cớ sao không gốc, vì không trú vậy. Có gốc thì có trú, không trú thì không gốc, rõ biết chúng sinh nghiệp thú khứ lai. Tịnh giới các Thánh động dừng. Lại là tâm lại, đi là tâm đi, động là tâm động, dừng là tâm dừng. Rốt ráo không có đến đi động dừng mà có thể được, chẳng lìa pháp giới, thì chưa có một pháp chẳng phải chỗ tâm nêu. Vì vậy Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi giáo hóa Đồng tử Thiện Tài, hiện Đài quán đầy trong ba ngàn thế giới. Thiện Tài quán đó, chợt nhiên chẳng hiện, thế giới đều không. Hỏi: Thế giới là xứ của đến đi ư? Văn-thù Sư-lợi đáp: Từ xứ đến đến tức về đi đi, tức là đến trong pháp giới thanh tịnh, tức đi về trong pháp giới thanh tịnh”. Nên biết chỗ các pháp sinh chỉ do tâm hiện. Sinh diệt đến đi đều Như Lai tạng. Đó mới là cùng vết thấu gốc thấy pháp rõ tông vậy. Lại như Pháp vương tử Lưu Ly Quang nói: “Tôi nhớ xưa trước, trải qua số kiếp như cát sông Hằng, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, chỉ bày

Bồ-tát Bản giác diệu minh, quán thế giới đây và thân chúng sinh đều là chỗ phong lực vọng duyên chuyển. Lúc ấy tôi quán giới an lập. Quán lúc giới động, quán thân động dừng, quán tâm động niệm, các động không hai, đồng không sai biệt, khi ấy tôi hiểu rõ các động tánh đây, lại không chỗ từ, đi không chỗ đến. Mười phương vi trần chúng sinh điên đảo đồng một hư vọng, như vậy cho đến trong ba ngàn đại thiên thế giới chỗ có chúng sinh, như trong một đồ vật chứa trữ cả trăm ve muỗi kêu loạn ty ty, ở trong phân tức phát động cuồng náo. Cho đến tôi dùng quán sát phong lực không nương tựa, ngộ tâm Bồ-đề vào Tam-ma-địa, hợp mười phương Phật truyền một diệu tâm, đó là đệ nhất”. Nên biết các động không hai chỉ một vọng phong, phong nhờ các duyên vốn không nương ở. Nếu năng để quán phong lực không nương tựa, nhờ ngộ chỉ tâm chẳng động, thì Bản Giác Diệu Minh luôn chiếu pháp giới, nên nói mười phương chư Phật truyền một diệu tâm đây vậy. Phong lực đã không nương tựa, muôn pháp đều không chủ, lại từ duyên có, đi theo huyễn không, chỉ tâm Bản giác vốn không sinh diệt. Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ nói một thừa chỉ bày ở đây”. Trong kinh Bát-nhã chỉ nói không hai giao phó ở đây, trong kinh Niết-bàn nói Phật tánh bình đẳng rộng dụ ở đây. Trong kinh Hoa Nghiêm nói pháp giới vô tận hiển hiện ở đây. Vô biên diệu chỉ đều quy về Tông Kính vậy.

Hỏi: Trong kinh Lăng-già nói: Phật nói tâm là tông. Đã lập một tâm làm tông, cố sao lại nói không tâm là đạo?

Đáp: Tâm làm tông là tâm chân thật, tâm đây chẳng phải có không. Không trú không nương chẳng sinh chẳng diệt, có Phật không Phật, tánh tướng vẫn thường trú, là tánh của tất cả muôn vật, giống như thể hư không, chẳng phải tất cả mà năng hiện tất cả. Chỉ vì chúng sinh chẳng rõ chân tâm thường trú đây, vì chân tâm không tánh, Bất giác mà khởi tâm của vọng thức, bèn bỏ sót chân tâm diệu tánh đây, theo vọng luân hồi, ở trong rốt ráo đồng thành rốt ráo khác, một hướng chấp vọng tâm đây năng duyên trần theo vật, trái đạo nghịch chân, thì là khiến dứt vọng tâm duyên lự đó. Nếu chẳng khởi vọng tâm thì năng thuận đạo. Do đó, nói không tâm là đạo, cũng nói là ngậm tâm hợp đạo. Lại, tức tâm không tâm thường thuận Bản giác, chưa hẳn diệt tâm thủ chứng, tức thành trái đạo. Nhưng tuy tức tâm không tâm lại chẳng thể được, nên khởi vọng thức đây, tâm đối cảnh mà sinh, không thể có thể được, như sóng trên biển tùy gió mà dứt hay tiếp tục. Vọng phong cảnh giới chẳng khởi phân biệt, sóng thức chẳng sinh. Trong kinh Mật Nghiêm nói: “Tất cả các thế gian, thí như lúc nóng đốt, vì các tướng chẳng thật,

không mà vọng phân biệt, giác nhân sở giác sinh, sở giác nương năng giác, lìa một thì không hai. Thí như sáng và ảnh, không tâm cũng không cảnh. Lượng và chỗ lượng sự, chỉ nương ở một tâm, như vậy mà phân biệt. Pháp năng biết sở biết, chỉ nương tâm vọng chấp, nếu rõ không sở biết, thì năng biết chẳng có”. Không sở biết thì là không cảnh, không năng biết thì là không tâm, vọng tâm huyền cảnh đã không, một đạo chân tâm tự hiện. Nên biết chỉ tâm chẳng khởi, muôn pháp không sinh, mới có khởi tâm tức thành trú đằm. Như trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: “Phật dạy: Tất cả trú tức là chẳng phải trú, chỉ là tư tưởng dời lại lần lượt tương tục nên có sinh vậy. Cho đến nếu chánh tư duy, tất cả đều là không trú trú”. Nên biết tất cả muôn pháp đều từ nghĩ tưởng sinh, phạm có tư duy đều là tà tư duy, nếu không tư duy tức là chánh tư duy. Nên nói: Nếu chánh tư duy tất cả đều là không trú trú, không trú trú là căn bản của muôn pháp.

Hỏi: Nếu nói tâm đồng cảnh không, trọn chẳng thể được là, như nay giới nhĩ tâm khởi, quả báo chẳng phải hư, một niệm tâm thiện xa thêm Phật quả, một niệm tưởng ác nhiều kiếp chịu ương, đâu đồng tiền trần sắc bên ngoài, tánh là vô ký nương tâm giả có, thể rốt ráo không, nếu duyên niệm tâm tức nên là có chứ?

Đáp: Một niệm tâm đây cũng chẳng riêng khởi, y tha giả có trong ngoài đều không, một niệm đây liếc khởi giác liễu tâm của năng sở biết. Như A-nan vọng chấp bầy xứ đó. Đức Thế Tôn mỗi mỗi đều dẹp phá không chỗ có, nhưng nhân xứ của nương tựa, chẳng quá bầy đây, người đời đồng chấp huân tập bền chắc. Nếu chẳng phải đấng Đại Thánh tử tế suy tầm, thì tình kiến không do đâu có thể thoát. Bầy xứ đây đã phá thì tất cả đều không. Có thể vì tức hiện nay biết không nhọc lại chấp. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo: A-nan! Như chỗ ông nói chỗ chân ái lạc nhân ở tâm mắt, nếu chẳng thức biết tâm mắt tại đâu thì chẳng năng được giáng phục trần lao. Thí như quốc vương bị giặc xâm lăng, dẫn phát binh lính dẹp trừ, binh lính đó cần phải rõ biết giặc ở nơi nào vậy, khiến ông lưu chuyển là lỗi bởi tâm mắt. Nay ta hỏi ông chỉ tâm và mắt nay hiện ở đâu? A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả thế gian mười thứ dị sinh đồng đem thức tâm ở tại trong thân, giả như quán mắt sen xanh của Đức Như Lai cũng tại mặt Phật. Nay con quán bốn trần phù căn đây chỉ tại mặt con, như vậy nhận biết tâm thật ở trong thân. Phật bảo: A-nan! Nay ông hiện ngồi trong giảng đường cùng Như Lai, quán rừng Kỳ-đà, nay tại nơi nào? Bạch Đức Thế Tôn! Đại trùng các giảng đường thanh tịnh đây tại vườn Cấp Cô Độc. Nay

rừng Kỳ-đà thật tại ngoài giảng đường. A-nan! Nay ông ở trong giảng đường, trước tiên thấy nơi nào? Bạch Đức Thế Tôn! Con ở trong giảng đường, trước tiên thấy Như Lai, tiếp đến quán khắp đại chúng, như vậy tiếp trong bên ngoài mới thấy vườn rừng. A-nan! Ông trông nhìn vườn rừng, nhân gì mà được thấy? Bạch Đức Thế Tôn! Đại giảng đường đây các cửa mở thoáng, nên con tại trong giảng đường mà được trông thấy xa. Cho đến, Phật bảo A-nan! Như điều ông nói thân tại trong giảng đường nhân các cửa mở thoáng mà xa trông thấy vườn rừng, cũng có chúng sinh tại trong giảng đường đây chẳng thấy Như Lai mà thấy ngoài giảng đường. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tại trong giảng đường chẳng thấy Như Lai mà năng thấy suối rừng, điều ấy không thể có. A-nan! Nay ông cũng vậy, tâm linh của ông tất cả sáng rõ, nếu ông hiện tiền chỗ sáng rõ tâm thật tại trong thân, khi ấy trước nên rõ biết trong thân. Lại có chúng sinh trước thấy trong thân, sau quán vật ngoài, giả sử chẳng năng thấy tim gan tỳ vị móng sinh tóc dài gân chuyển mạch động, thật hợp sáng rõ, tại sao chẳng thấy? Hẳn chẳng biết bên trong, cố sao biết bên ngoài? Cho nên phải biết ông nói tâm của hay rõ năng biết trú tại trong thân điều ấy không có. A-nan cúi đầu mà bạch Phật rằng: Con nghe pháp âm của Đức Như Lai như vậy, ngộ biết tâm con thật ở ngoài thân, tại sao? Thí như đèn đốt sáng trong phòng, đèn hẳn năng trước chiếu trong phòng, từ cửa phòng đó sau đến khoảng sân, tất cả chúng sinh chẳng thấy trong thân riêng thấy ngoài thân cũng như đèn sáng ở tại ngoài phòng chẳng năng chiếu phòng, nghĩa đó hẳn rõ, không chỗ lằm hoặc, đồng Phật liễu nghĩa được không vọng ư? Phật bảo: A-nan! Các Tỳ-kheo đây vừa rồi theo ta đến thành Thất-la-phiệt tuần tự khát thực rồi về rừng Kỳ-đà. Ta đã thọ trai, ông quán trong chúng Tỳ-kheo một người lúc ăn, các người khác được no chăng? A-nan thưa: Không vậy, Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Các Tỳ-kheo đó tuy A-la-hán nhưng thân mạng chẳng đồng, làm sao một người ăn mà năng khiến cả chúng được no. Phật bảo: A-nan! Nếu tâm ông hay rõ năng biết thật tại ngoài thân, thân tâm ngoài nhau, tự chẳng liên can, thì chỗ tâm biết, thân chẳng năng hay. Hay tại khoảng thân, tâm chẳng năng biết. “Nay ta chỉ ông tay đầu-la-miên, lúc mắt ông thấy, tâm phân biệt chăng? A-nan thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Phật bảo: A-nan! Nếu cùng biết là cố sao tại ngoài? Cho nên phải biết ông nói tâm hay rõ năng biết trú tại ngoài thân, điều ấy không có. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy chẳng thấy trong nên chẳng trú trong thân, thân tâm cùng biết, chẳng lìa nhau nên chẳng tại ngoài thân, nay con tư duy biết

tại một xứ. Đức Phật hỏi: Xứ đó nay ở đâu? A-nan thưa: Tâm rõ biết đây đã chẳng biết trong mà năng biết ngoài như suy nghĩ ngậm núp trong căn. Thí như có người lấy chén lưu ly chụp hai mắt nó, tuy có vật chụp mà chẳng lưu ngại, căn kia tùy thấy tùy liền phân biệt. Nhưng tâm hay rõ năng biết của con chẳng thấy trong là vì tại căn vậy. Phân minh trông nhìn ngoài là ngậm trong căn vậy. Phật dạy: A-nan! Như điều ông nói: Ngậm trong căn là giống như lưu ly, người kia đang dùng lưu ly chụp mắt đang thấy núi sông, vậy có thấy lưu ly chăng? A-nan thưa: Như vậy, bạch Đức Thế Tôn! Người ấy đang dùng lưu ly chụp mắt, thật thấy lưu ly. Phật dạy: A-nan! Nếu tâm ông đồng với lưu ly chụp là đang thấy núi sông, sao chẳng thấy mắt? Nếu thấy mắt là, mắt tức đồng cảnh chẳng được thành tùy, nếu chẳng năng thấy, cố sao nói phò? Tâm rõ biết đây ngậm tại trung căn như lưu ly hợp, cho nên phải biết ông nói tâm hay rõ năng biết ngậm núp trong căn như lưu ly chụp. Điều ấy không có, A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nay con lại tư duy, thân phủ tạng của chúng sinh tại trong, khiếu huyết ở ngoài, có tàng thì tối, có khiếu (lỗ) thì sáng, nay con đối Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy ngoài, nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy trong. Nghĩa ấy thế nào? Phật dạy: A-nan! Lúc ông đang nhắm mắt thấy tối, cảnh giới tối đó, có cùng căn đối hay chẳng đối ư? Nếu cùng căn đối thì tối tại trước mắt, làm sao thành trong. Nếu thành ở trong thì ở trong phòng tối không có nhật nguyệt và đèn, trong phòng tối đó đều là tim ruột ông, nếu chẳng đối làm sao thành thấy? Nếu lìa ngoài thấy trong chỗ đối thành, nhắm mắt thấy tối gọi là trong thân, mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy mặt? Nếu chẳng thấy mặt thì trong đối chẳng thành. Thấy mặt nếu thành tâm rõ biết đây cùng với nhãn căn là tại hư không, sao thành tại trong. Nếu tại hư không, tự chẳng phải thể ông. Tức nên nay nghĩa thấy mặt ông cũng là thân ông. Mắt ông đã biết thân hợp chẳng phải hay, hẳn ông chấp lời nói thân mắt hai hay nên có hai biết, tức thân ông nên thành hai Phật. Cho nên phải biết, ông nói thấy tối gọi là thấy trong, điều ấy không có. A-nan thưa: Con thường nghe Phật chỉ dạy bốn chúng, do tâm sinh nên các thứ pháp sinh, do pháp sinh nên các thứ tâm sinh, nay con tư duy tức tư duy thể thật tâm tánh con, tùy chỗ xứ hợp thì tâm tùy có, cũng chẳng phải ba xứ trong ngoài và khoảng giữa. Phật dạy: A-nan! Nay ông nói là do pháp sinh nên các thứ tâm sinh, tùy chỗ xứ hợp thì tâm tùy có là, tâm không thể thì không chỗ hợp. Nếu không có thể mà năng hợp thì mười chín giới nhân bầy trần hợp, nghĩa ấy không như vậy. Nếu có thể là như ông dùng tay tự kéo thể đó, chỗ ông biết tâm là bên trong ra hay bên ngoài vào?

Nếu bên trong ra, trở lại thấy trong thân, nếu từ ngoài vào, trước nên thấy mặt. A-nan thưa: Thấy là mắt đó, tâm biết chẳng phải mắt là thấy chẳng phải nghĩa. Phật dạy: Nếu mắt năng thấy, ông tại trong phòng cửa năng thấy chẳng? Thì các người đã chết vẫn còn có mắt, nên đều thấy vật. Nếu thất vật thì sao gọi là chết? A-nan! Lại như tâm hay rõ năng biết của ông nếu hẳn có thể thì là một thể hay có nhiều thể? Nay tại thân ông là khắp cùng thể hay chẳng khắp cùng thể? Nếu một thể thì lúc ông dùng tay kéo một chi, bốn chi nên hay, nếu đều hay là kéo nên không tại đâu. Nếu kéo có chỗ thì một thể ông tự chẳng năng thành, nếu nhiều thể thì thành nhiều người. Thế nào là ông, nếu khắp cùng thể là đồng chỗ kéo trước, nếu chẳng khắp cùng là, ông đang xúc chạm đầu cũng xúc chạm chân đó. Đầu có chỗ hay chân nên không biết. Nay ông chẳng như vậy, cho nên phải biết, tùy chỗ xứ hợp thì tâm tùy có, điều ấy không có. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng nghe Phật và các vị Pháp vương tử như Văn-thù Sư-lợi v.v... lúc bàn nói về thật tướng. Đức Thế Tôn cũng nói tâm chẳng tại trong cũng chẳng tại ngoài. Như con tư duy, trong không chỗ thấy ngoài chẳng cùng biết. Trong không biết nên tại trong chẳng thành, thân tâm cùng biết thì tại ngoài chẳng phải nghĩa, nay cùng biết nên lại trong không thấy, thì đang tại khoảng giữa. Phật dạy: Ông nói khoảng giữa, khoảng giữa hẳn chẳng mê, chẳng phải không chỗ có. Nay ông tìm khoảng giữa, khoảng giữa tại đâu? Tại xứ nào? Tại thân nào? Nếu tại thân là tại một bên chẳng phải khoảng giữa, tại khoảng giữa là đồng với trong. Nếu tại xứ là có chỗ phô bày hay không chỗ phô bày, không phô bày tức đồng không, phô bày thì không định. Tại sao? Như người dùng phô bày, lúc phô bày làm khoảng giữa, Đông nhìn thành Tây, Nam quán là Bắc, phô bày thể đã lẫn lộn, tâm nên tạp loạn. A-nan thưa: Chỗ con nói khoảng giữa chẳng phải hai xứ đây. Như Thế Tôn nói: Nhãn sắc làm duyên sinh nói nhãn thức, nhãn có phân biệt, sắc trần không biết, thức sinh trong đó thì tâm có. Phật dạy: Tâm ông nếu tại khoảng giữa của căn trần, thì tâm thể đây lại gồm cả hai hay chẳng gồm cả hai? Nếu gồm cả hai, thì vật thể tạp loạn, vật chẳng phải thể biết, thành đối địch hai lập, làm sao là khoảng giữa, nên gồm cả hai chẳng thành, chẳng phải biết chẳng biết, tức không thể tánh, khoảng giữa làm sao cùng? Cho nên phải biết, đang tại khoảng giữa, điều ấy không có. A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Xưa trước kia con thấy Đức Phật cùng bốn Đại đệ tử Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na và Xá-lợi-phất cùng chuyển pháp luân, thường nói tâm tánh hay biết phân biệt đã chẳng tại trong cũng chẳng tại ngoài, chẳng tại khoảng

giữa, đều không chỗ tại, tất cả không đấm trước, gọi đó là tâm. Thì con không đấm trước gọi là tâm ư? Phật dạy: A-nan! Ông nói tâm tánh hay biết phân biệt đều không chỗ tại là, thế gian hư không nước đất bay đi, chỗ các vật tượng gọi là tất cả. Ông chẳng đấm trước là tại hay không? Không thì đồng với lông rùa sừng thỏ, cớ sao chẳng đấm trước? Có chẳng đấm trước là chẳng thể gọi là không, không cùng thì không, chẳng phải không thì cùng, cùng thì chẳng tại, cớ sao không đấm trước. Cho nên phải biết tất cả không đấm trước, gọi là tâm hay biết, điều ấy không có”. Như chỗ suy tìm trên, tức nay trong thân sinh diệt vọng tâm không vậy, chỗ hiện lượng biết rõ ràng không lầm hoặc, có thể gọi là chóng ngộ chân tâm, rõ ngay không sinh vậy.